TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44 /2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 02 -2023
"V/v Ly hôn giữa bà L và ông N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN NHU**

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **PHẠM THỊ KIM LIÊU** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 798/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim L,** sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1981.
Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Do quen biết bà và ông N tiến đến hôn nhân năm 1998, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông N không lo làm ăn

mà kiếm chuyện chửi đánh bà làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã ly thân từ 01/7/2022 đến nay.

Về con chung: Có 07 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 14/5/2000; Nguyễn Văn Q sinh ngày 07/3/2002; Nguyễn Thị Kim Q1, sinh ngày 02/02/2004; Nguyễn Thị A, sinh ngày 05/3/2005; Nguyễn Văn L, sinh ngày 25/6/2009; Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01/11/2011 và Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 08/6/2014, hiện con chung đang sống cùng ông N.

Tài sản chung không tranh chấp. Nợ chung: Không có.

Bà L xin được ly hôn với ông N. Con chung chưa thành niên bà yêu cầu nuôi L, T1, Kim T2. Giao cháu A cho ông N nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tại phiên tòa, bà L xác định không còn tình cảm với ông N nên kiên quyết ly hôn. Con chung chưa thành niên bà yêu cầu cháu Nguyễn Văn L; ông N nuôi các cháu Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Kim T2.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N tại tờ tự khai trình bày: Ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và có nguyện vọng xây dựng gia đình hạnh phúc để lo tương lai cho con.

Tại phiên tòa, ông N thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẩn do bà L có quan hệ tình cảm với người khác nên ông mới đánh. Nay ông đồng ý ly hôn với bà, con chung chưa thành niên ông yêu cầu được nuôi hết, không cần bà L cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông N, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm Q giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm Q giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà L và ông N tiến đến hôn nhân năm 1998 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân từ ngày 01/7/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm,

vợ chồng không tin tưởng nhau nên xảy ra cự cải. Bà L xác định không còn tình cảm gì với ông N nên kiên quyết ly hôn. Đối với ông N tại phiên tòa cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho bà L được ly hôn với ông N là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 07 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 14/5/2000; Nguyễn Văn Q sinh ngày 07/3/2002; Nguyễn Thị Kim Q1, sinh ngày 02/02/2004; Nguyễn Thị A, sinh ngày 05/3/2005; Nguyễn Văn L, sinh ngày 25/6/2009; Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01/11/2011 và Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 08/6/2014. Bà L yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Văn L; ông N sẽ nuôi các cháu Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Kim T2. Đối với ông N yêu cầu nuôi cả 04 con chung chưa thành niên. Xét thấy, hiện tại ông N đang nuôi các Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Kim T2, còn cháu Nguyễn Văn L đang sống cùng bà L. Các cháu A, T1, Kim T2 có nguyện vọng sống cùng ông N, còn cháu L muốn sống với bà L. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống cũng như xem xét đến nguyện vọng của con chung Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Văn L cho bà L nuôi dưỡng; giao các cháu Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Kim T2 cho ông N nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 25/06/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim L nuôi dưỡng.

Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị A, sinh ngày 05/3/2005; Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01/11/2011 và Nguyễn Thị Kim T2, sinh ngày 08/6/2014 cho ông Nguyễn Văn N nuôi dưỡng.

2.2. Cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có Q, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010623 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về Q kháng cáo: Bà L, ông N có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH